

dì èr kè
第二课

Lesson 2

wèn míng zì
问名字

What's Your Name?

shēng zì
生字 New Characters

shí
什

me
么

míng
名

zì
字

de
的

jiào
叫

èr
二

cí huì
词汇 New Words

shí me
什 么 what? / something

míng zì
名 字 name

nǐ de
你 的 your

wǒ de
我 的 my / mine

jiào
叫 to call

nǐ jiào
你 叫 your name is

wǒ jiào
我 叫 my name is

èr
二 two

xiǎo wáng wǒ jiào xiǎo wáng
1. 小王：我叫小王。

xiǎo lín nǐ hǎo xiǎo wáng
2. 小林：你好，小王。

1. Little Wang: My name is Little Wang.

2. Little Lin: Hello, Little Wang.

xiǎo wáng nǐ jiào shí me
1. 小王：你叫什么？

xiǎo lín nǐ jiào xiǎo lín
2. 小林：我叫小林。

1. Little Wang: What's your name?

2. Little Lin: My name is Little Lin

lǎo shī nǐ hǎo shí me míng zì
1. 老师：你叫什么名字？

xiǎo wáng lǎo shī wǒ de míng zì jiào xiǎo wáng
2. 小王：老师，我的名字叫小王。

1. Teacher: What's your name?

2. Little Wang: Teacher, my name is Little Wang.

jiào	jiào	jiào	jiào	jiào			
叫	叫	叫	叫	叫			
jiào	jiào	jiào	jiào				
叫	叫	叫	叫				

shí	shí	shí	shí	shí			
什	什	什	什	什			
shí	shí	shí	shí				
什	什	什	什				




me	me	me	me				
么	么	么	么				
me	me	me	me				
我	我	我	我				

de	de	de	de	de	de	de	de
的	的	的	的	的	的	的	的
de	de	de	de	de			
的	的	的	的	的			

míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	
名	名	名	名	名	名	名	
míng	míng	míng	míng				
名	名	名	名				

zì	zì	zì	zì	zì	zì	zì	
字	字	字	字	字	字	字	
zì	zì	zì	zì				
字	字	字	字				

活动 Activities

èr	èr	èr					
							
èr	èr	èr	èr				

- Connect words

什

名

你

叫

么

字

- Connect sentence

叫

么

叫

小王

你

字

名

的

什

我

- Choose correct character

1.

jiào

 (a) 叫 (b) 叫 (c) 叫 (d) 叫

2.

shí

 (a) 什 (b) 什 (c) 什 (d) 什

3.

me

 (a) 么 (b) 么 (c) 么 (d) 么

4.

míng

 (a) 名 (b) 名 (c) 名 (d) 名

5.

zì

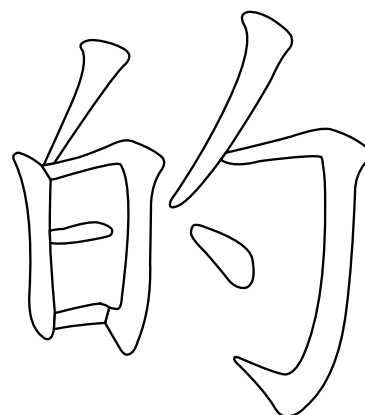
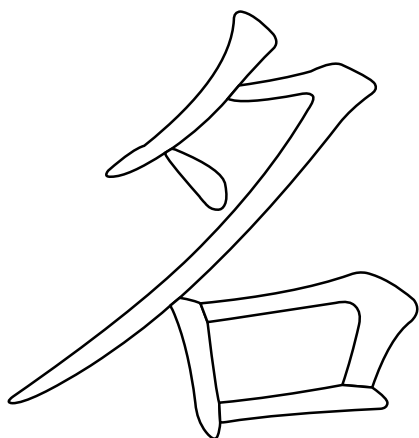
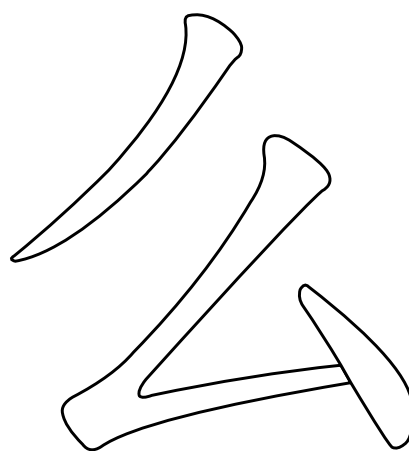
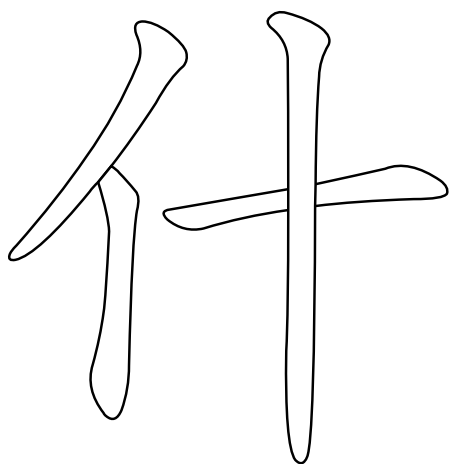
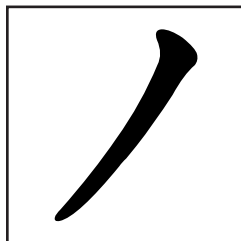
 (a) 字 (b) 字 (c) 字 (d) 字

6.

de

 (a) 的 (b) 的 (c) 的 (d) 的

- Find the stroke and fill them



作业 Homework

[illegible]

[illegible]

zuò yè
作业 Homework

me 么	me 么	me 么	me 么				

作业 Homework

[illegible]

作业 Homework

[illegible]

作业 Homework

[illegible]